

Tăng tỷ trọng

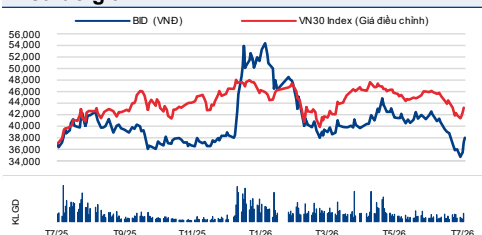
Giá mục tiêu: VNĐ46,500

Tiềm năng tăng/giảm: 22.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	38,000
Mã Bloomberg	BID VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	34,700-54,368
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	36,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	266,812
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,145
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,021
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,106
Slg CP NN được mua (tr.đv)	892
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	17.3%
Tỷ lệ freefloat	4.01%
Cổ đông lớn	Ngân hàng Nhà nước (76.6%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	3,331	3,614	3,987
Dư nợ cho vay (ntđ)	2,373	2,670	3,003
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	91.3	91.7	103
Lợi nhuận thuần (ntđ)	30.2	30.9	34.9
BVPS (đồng)	23,933	28,057	32,146
EPS (đồng)	4,335	4,320	4,712
DPS (đồng)	450	0	400
T.trưởng cho vay KH (%)	15.4	12.5	12.5
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	12.6	0.39	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	18.6	(0.36)	9.08
Tăng trưởng DPS (%)	nm	(100)	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	10.4	0	8.49
ROAE (%)	19.6	16.6	15.6
ROAA (%)	0.99	0.89	0.92
Tỷ lệ NIM (%)	2.19	2.09	2.17
Tỷ lệ CIR (%)	33.4	31.5	29.9
Hệ số CAR (%)	9.03	10.1	10.6
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.47	1.60	1.40
LLR/nợ xấu (%)	99.9	104	108
Hệ số LDR (%)	107	110	109
P/B (lần)	1.59	1.35	1.18
P/E (lần)	8.77	8.80	8.06
Lợi suất cổ tức (%)	1.18	0	1.05

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là ngân hàng thương mại lớn nhất tại Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản.

Chuyên viên phân tích

Lê Khánh Tùng

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.lkhanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4844

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 tăng 20% nhờ tỷ lệ NIM hồi phục; sát với dự báo

- BID đã công bố LNTT Q2 đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ, nhờ thu nhập lãi thuần tăng 19% so với cùng kỳ và chi phí được kiểm soát chặt chẽ, bù đắp cho thu nhập ngoài lãi suy yếu. Theo đó, LNTT 6 tháng đầu năm 2026 đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ, hoàn thành 48% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.
- Tín dụng tăng trưởng ổn định 3% so với quý trước và tăng 5,5% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM hồi phục 22 điểm cơ bản so với quý trước lên 2,09%. Chất lượng tài sản vẫn chịu áp lực với tỷ lệ nợ xấu tăng lên 1,83% và tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 76%.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua trong bối cảnh thị trường chứng khoán điều chỉnh gần đây, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,17 lần, cao hơn 19% so với CTG (0,98 lần) và thấp hơn 24% so với VCB (1,54 lần) – hai NHTM tương đồng nhất với BID. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026 vào ngày 30/7/2026

BID đã công bố LNTT Q2/2026 đạt 10,3 nghìn tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ, nhờ thu nhập lãi thuần tăng trưởng mạnh và chi phí hoạt động được kiểm soát chặt chẽ, giúp bù đắp phần sụt giảm của thu nhập ngoài lãi. Theo đó, LNTT lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ, hoàn thành 48% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Tăng trưởng tín dụng đạt 5,5% kể từ đầu năm

Tăng trưởng tín dụng cải thiện trong quý, tăng 5,5% kể từ đầu năm (tăng 3% so với quý trước) đạt 2.508 nghìn tỷ đồng tại thời điểm cuối Q2/2026. Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm 2026 hoàn thành 43% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi (tăng trưởng 12,5% so với cùng kỳ), cho thấy Ngân hàng vẫn đang đi đúng lộ trình để hoàn thành mục tiêu trong bối cảnh nhu cầu tín dụng dần phục hồi.

Về phía huy động, tiền gửi khách hàng tăng 1,7% kể từ đầu năm và tăng 5,4% so với quý trước lên 2.261 nghìn tỷ đồng, chậm hơn tốc độ tăng trưởng tín dụng. Để thu hẹp sự thiếu hụt trong huy động, giấy tờ có giá của BID tăng 34%

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026, BID

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% 2026 HSCF
Thu nhập lãi thuần	14,992	17,804	19%	28,937	33,538	16%	49%
Thu nhập ngoài lãi	7,098	5,834	-18%	11,051	10,798	-2%	47%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,887	1,960	4%	3,426	3,585	5%	48%
Lãi thuần HDKD ngoại hối	1,357	708	-48%	2,221	1,817	-18%	42%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	845	153	-82%	1,054	114	-89%	10%
Thu nhập khác	2,898	2,852	-2%	4,114	4,919	20%	57%
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	110	161	46%	236	363	54%	30%
Tổng thu nhập HĐ	22,090	23,638	7%	39,988	44,335	11%	48%
Chi phí HĐ	(7,367)	(7,485)	2%	(13,274)	(14,113)	6%	49%
Lợi nhuận trước trích lập dự phòng	14,723	16,153	10%	26,714	30,223	13%	48%
Chi phí dự phòng	(6,098)	(5,820)	-5%	(10,677)	(11,318)	6%	48%
LNTT	8,625	10,333	20%	16,038	18,905	18%	48%
Lợi nhuận thuần	6,756	8,146	21%	12,826	14,947	17%	48%

Nguồn: BID, HSC

kể từ đầu năm lên 301 nghìn tỷ đồng trong khi vay LNH giảm 11% kể từ đầu năm xuống 372 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, tiền gửi KBNN duy trì ở mức cao 184 nghìn tỷ đồng, tăng 37% kể từ đầu năm, tiếp tục hỗ trợ huy động.

Tỷ lệ NIM hồi phục 22 điểm cơ bản so với quý trước

Tỷ lệ NIM tăng 22 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 4 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 2,18%, trong đó lợi suất cho vay tăng 73 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 74 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 6,09%, trong khi chi phí huy động tăng 54 điểm cơ bản so với quý trước và 65 điểm cơ bản so với cùng kỳ lên 4,03%. Sự cải thiện này cho thấy xu hướng điều chỉnh lại lãi suất tại các khoản vay đang phát huy hiệu quả trong môi trường lãi suất cao, nhìn chung phù hợp với dự báo của chúng tôi.

Nhờ tỷ lệ NIM hồi phục và tín dụng tăng trưởng tốt, thu nhập lãi thuần tăng 19% so với cùng kỳ lên 17.804 tỷ đồng. Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập lãi thuần tăng 16% so với cùng kỳ lên 33,5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 49% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Thu nhập ngoài lãi giảm nhưng vẫn sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi

Thu nhập ngoài lãi giảm 18% so với cùng kỳ xuống 5,8 nghìn tỷ đồng trong Q2/2026, chủ yếu do lãi thuần HĐ kinh doanh ngoại hối suy giảm (giảm 48% so với cùng kỳ) và thiếu vắng thu nhập đầu tư (giảm 82% so với cùng kỳ). Chúng tôi cho rằng kết quả này xuất phát từ việc đồng VND tương đối ổn định và lợi suất TPCP gia tăng, khiến lãi đánh giá lại danh mục trái phiếu giảm. Trong khi đó, lãi thuần HĐ dịch vụ chỉ tăng 4% so với cùng kỳ trong khi thu nhập khác giảm 2% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, thu nhập ngoài lãi đạt 10,8 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ, hoàn thành 47% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

Chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt

Tổng chi phí hoạt động tăng 2% so với cùng kỳ lên 7.485 tỷ đồng trong Q2/2026. Trong đó, chi phí nhân viên tăng 4% so với cùng kỳ lên 4.154 tỷ đồng, trong khi số lượng nhân viên giảm 3% so với cùng kỳ xuống 28.867 người từ 29.740 người tại thời điểm cuối Q2/2025. Chi phí liên quan đến tài sản tăng 10% so với cùng kỳ lên 1.172 tỷ đồng.

Hệ số CIR trong quý duy trì ở mức 31,7%, thấp hơn một chút so với Q1/2026 (32%).

Chất lượng tài sản vẫn chịu áp lực

Tỷ lệ nợ xấu của BID tăng nhẹ 1,83% từ 1,76% tại thời điểm cuối Q1/2026, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 giảm xuống 1,22% (từ 1,34%). Tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR giảm xuống 76% từ 87% tại thời điểm cuối Q1/2026. Nợ xấu mới hình thành ở mức 11,2 nghìn tỷ đồng trong Q2/2026, so với 11 nghìn tỷ đồng trong Q1/2026 và 9,5 nghìn tỷ đồng trong Q2/2025. Nợ xấu được xử lý ở mức cao 8,2 nghìn tỷ đồng, tương đương 0,33% tổng dư nợ cho vay, đã hạn chế một phần xu hướng tích lũy nợ xấu.

Chi phí dự phòng giảm 5% so với cùng kỳ xuống 5,8 nghìn tỷ đồng trong Q2/2026. Chi phí dự phòng lũy kế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 11.318 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ, hoàn thành 48% dự báo cả năm 2026 và sát với dự báo 6 tháng của chúng tôi.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 9% trong 1 tháng qua, BID đang giao dịch với P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,17 lần, cao hơn 19% so với CTG (0,98 lần, Mua vào, giá mục tiêu 48.300đ) và thấp hơn 24% so với VCB (1,54 lần, Mua vào, giá mục tiêu 75.600đ) – hai ngân hàng tương đồng nhất với BID.

Sau đợt điều chỉnh gần đây, HSC đang xem xét lại khuyến nghị, giá mục tiêu và dự báo. KQKD Q2/2026 của BID nhìn chung sát với dự báo của chúng tôi. Mặc dù xu hướng lợi nhuận ổn định, chúng tôi nhận thấy động lực trong ngắn hạn vẫn hạn chế để cải thiện đáng kể sức hấp dẫn tương đối của BID so với các ngân hàng khác.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	138	155	190	215	241
Chi phí lãi	(80.3)	(91.7)	(121)	(136)	(151)
Thu nhập lãi thuần	58.0	63.4	68.8	79.0	90.1
Lãi thuần HĐ dịch vụ	7.08	6.94	7.55	8.46	9.48
Lãi thuần HĐ KDNH	5.36	3.81	4.38	4.73	5.10
Lãi/lỗ từ mua bán CK	5.18	2.98	1.09	1.17	1.26
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.45	1.10	1.21	1.33	1.46
Thu nhập khác	5.02	13.1	8.69	7.98	8.09
Tổng thu nhập HĐ	81.1	91.3	91.7	103	116
Chi phí HĐ	(28.0)	(30.5)	(28.9)	(30.6)	(31.9)
LN trước dự phòng	53.1	60.9	62.8	72.0	83.7
Chi phí dự phòng	(21.0)	(23.0)	(23.8)	(27.9)	(34.0)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	32.1	37.9	39.1	44.1	49.7
Chi phí thuế TNDN	(6.40)	(7.39)	(7.81)	(8.83)	(9.94)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.47)	(0.30)	(0.36)	(0.43)	(0.51)
Lợi nhuận thuần	25.2	30.2	30.9	34.9	39.3
EPS (đồng)	3,655	4,335	4,320	4,712	5,220
DPS (đồng)	0	450	0	400	500
Sig CP bình quân (triệu đv)	6,898	6,959	7,151	7,401	7,520
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	6,898	7,021	7,281	7,520	7,520
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	6,898	7,021	7,281	7,520	7,520

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	10.8	13.1	10.0	10.2	11.3
Tiền gửi tại NHNN	92.3	124	82.8	82.5	70.9
Tiền gửi tại các TCTD khác	280	457	467	476	485
Chứng khoán kinh doanh	12.7	30.2	33.0	36.0	39.4
Các công cụ tài chính phái sinh	0.67	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	2,018	2,338	2,625	2,958	3,315
Tổng dư nợ cho vay	2,056	2,373	2,670	3,003	3,364
Dự phòng rủi ro	(38.0)	(34.9)	(44.3)	(45.4)	(48.4)
Chứng khoán đầu tư	278	285	312	340	370
CK đầu tư sẵn sàng để bán	158	172	186	200	216
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	121	114	127	139	153
Dự phòng rủi ro	(1.20)	(0.05)	(0.05)	(0.04)	(0.04)
Đầu tư dài hạn	3.42	4.37	4.42	4.46	4.51
Tài sản cố định	12.1	13.1	13.8	14.5	15.2
Tài sản khác	52.9	65.7	65.7	65.7	65.7
Tổng tài sản	2,761	3,331	3,614	3,987	4,377
Nợ phải trả	2,616	3,157	3,404	3,739	4,098
Tiền gửi của NHNN	168	219	252	262	277
Tiền gửi của các TCTD khác	233	418	422	426	435
Tổng tiền gửi KH	1,953	2,223	2,434	2,751	3,081
Trái phiếu và CCTG	199	225	230	235	239
Nợ khác	50.5	59.8	53.8	53.8	53.8
Vốn chủ sở hữu	140	168	204	242	273
Vốn điều lệ	69.0	70.2	72.8	75.2	75.2
Thặng dư vốn cổ phần	15.4	18.9	26.4	33.8	33.8
Lợi nhuận giữ lại	36.2	44.8	69.1	91.7	117
Quỹ & vốn khác của CSH	19.1	34.1	36.0	41.1	46.7
Lợi ích cổ đông thiểu số	5.23	5.57	5.58	5.80	6.02
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,761	3,331	3,614	3,987	4,377
BVPS (đồng)	20,250	23,933	28,057	32,146	36,288

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	20.0	20.6	8.49	10.3	9.79
Tăng trưởng cho vay KH (%)	15.7	15.4	12.5	12.5	12.0
Tăng trưởng huy động KH (%)	14.6	13.8	9.50	13.0	12.0
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	13.6	13.8	8.81	12.1	11.2
Tăng trưởng VCSH (%)	18.4	20.3	21.6	18.3	12.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	2.85	9.23	8.54	14.9	14.1
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	11.6	8.88	(5.25)	6.18	3.96
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	10.2	14.6	3.21	14.7	16.2
Tăng trưởng LNTT (%)	16.0	18.0	3.17	13.0	12.7
Tăng trưởng LN thuần (%)	16.0	19.7	2.39	12.9	12.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.20	3.00	2.64	2.70	2.76
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.11)	(1.00)	(0.83)	(0.81)	(0.76)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.7	94.8	95.0	95.6	96.1
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.69	2.94	2.87	3.12	3.41
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	20.4	23.7	23.6	25.9	28.3

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	10.4	8.77	8.80	8.06	7.28
P/B (lần)	1.88	1.59	1.35	1.18	1.05
Lợi suất cổ tức (%)	0	1.18	0	1.05	1.32

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	31.1	33.0	33.7	34.0	34.0
ROAA (%)	1.00	0.99	0.89	0.92	0.94
ROAE (%)	19.6	19.6	16.6	15.6	15.3
Chi phí huy động BQ (%)	3.44	3.25	3.77	3.88	3.92
Lợi suất góp BQ (%)	5.71	5.37	5.76	5.92	6.00
Lợi suất thuần (%)	2.27	2.12	1.99	2.04	2.08
Tỷ lệ NIM (%)	2.39	2.19	2.09	2.17	2.24
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	8.73	7.60	8.23	8.24	8.20
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	71.5	69.4	75.0	77.0	78.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	19.8	23.0	16.8	14.8	13.8
Tỷ lệ CIR (%)	34.5	33.4	31.5	29.9	27.6
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.4	0	8.49	9.58

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	9.03	9.03	10.1	10.6	10.6
VCSH/Tổng TS (%)	5.06	5.05	5.65	6.06	6.23
Đòn bẩy vốn (lần)	19.8	19.8	17.7	16.5	16.0

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	1.41	1.47	1.60	1.40	1.30
Hệ số LLR (%)	131	99.9	104	108	111

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	105	107	110	109	109
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	9.77	14.6	13.7	12.5	11.6
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	74.5	71.2	73.9	75.3	76.8

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	1,234	1,271	1,309	1,348	1,388
Số lượng nhân viên	30,110	31,013	31,943	32,902	33,889

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn